TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:20/2023/HNGĐ-ST
Ngày 11/04/2023
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lại Hồng Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thanh và ông Nguyễn Tiến Tịnh.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Xuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà:*** Bà Lê Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:38/2023/TLST-HNGĐ ngày 27/02/2023, về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/03/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh T, sinh năm 1992, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2. Bị đơn: Chị Q, sinh năm 1993, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai của anh Ttrình bày: Anh T và chị Q kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông vào ngày 09/11/2015. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và không bị ép buộc.

Anh T và chị Q có 01 con chung: Cháu N- sinh ngày 30/10/2017, hiện cháu N đang ở với chị Q

Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ không có.

Mẫu thuẫn dẫn đến anh T xin ly hôn: Giữa anh T và chị Q có nhiêu mâu thuẫn trong gia đình, bất đồng quan điểm sống nên dẫn thường xuyên cãi nhau và xung đột trong gia đình diễn ra trong thời gian dài và không thể hòa giải được. Mặc dù hai vợ chồng đã rất nhiều lần hòa giải và vì con cái nhưng không thể hòa giải được. Hai vợ tình cảm không thể hàn gắn được nên đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, hai người sống ở hai nơi khác nhau. Nhưng đến nay, giữa hai người thì mạnh ai người đó sống, không còn liên lạc với, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, giữa hai người còn tình cảm vợ chồng, hạnh phúc gia đình không đạt được.

Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt và nêu rõ quan điểm: Anh T xin được ly hôn với chị Q. Con chung: anh T đồng ý giao cháu N cho chị Q nuôi dưỡng. Anh T không cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn chị Q trình bày tại Bản tự khai và các tài liệu khác: Chị Q với anh T kết hôn vào năm 2015, đăng ký tại UBND xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Được UBND xã Đức Mạnh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 86/2015, quyển sổ 01, cấp ngày 09/11/2015.

Trong thời gian chung sống, giữa anh T và chị Q có nhiêu mâu thuẫn trong cuộc sống, bất đồng quan điểm sống nên dẫn thường xuyên cãi nhau và xung đột trong gia đình. Giữa anh T và chị Q đã được gia đình hai bên hòa giải rất nhiều lần nhưng vẫn không thể hòa giải được. Anh T và chị Q đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, để các bên tự suy nghĩ về tình cảm của hai vợ chồng. Nhưng đến nay, giữa ông T và chị Q mạnh ai người đó sống, không còn liên lạc với nhau, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tại thời điểm nay chị Q không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên có nguyện vọng được ly hôn.

Anh T và chị Q có 01 con chung: Cháu N- sinh ngày 30/10/2017. Cháu đang còn nhỏ và đang ở chị Q. Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ không có.

Chị Q có đơn xin xét xử vắng mặt và nêu rõ quan điểm về giải quyết vụ án: Chị Q đồng ý ly hôn với anh Trung. Chị Q xin được nuôi cháu N- sinh ngày 30/10/2017 và không yêu cấp cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án xác định người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ quy định của pháp luật. Các đương sự đều có đơn xin xét xét xử vắng mặt và đều nêu rõ quan điểm về giải quyết vụ án như đã thực hiện đúng quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều

27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn và giải quyết cho anh T được ly hôn với chị Q (chấm dứt quan hệ hôn nhân). Giao cháu N- sinh ngày 30/10/2017 cho chị Q trực tiếp chăm sóc và các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Buộc anh T phải chịu án phí 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án xin ly hôn giữa nguyên đơn anh T và chị Q. Bị đơn chị Q đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn anh T và bị đơn Q đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp, đã đến làm việc. Tuy nhiên, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin không tiến hành hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt. Sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt và nêu rõ quan điểm và yêu cầu giải Tòa án giải quyết vụ án phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều trình bày và đưa ra quan điểm giống nhau về giải quyết vụ án được nêu rõ trong Bản tự khai, đơn xin vắng mặt, đơn đề nghị không hòa giải. Như vậy, nhưng tình tiết và sự kiện các đương sự đưa ra và đều thừa nhận, nên không phải chứng minh, phù hợp với quy định tại khoản 02 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự " *Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*.

[4] Về hôn nhân: Anh T và chị Q xây dựng gia đình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, tự do đi đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông vào ngày 09/11/2015 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 86, quyển sổ 01. Do đó, hôn nhân giữa anh Tvà chị Q là hợp pháp.

[5] Về mâu thuẫn dẫn đến ly hôn: Anh Tvà chịQ đều thừa nhận giữa anh T và chị Q có những mâu thuẫn trong gia đình, trong lối sống và sinh hoạt trong gia đình, hai vợ chồng có cách nghĩ, quan điểm sống trái ngược nhau, không có tiếng nói chung. Dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xung đột trong gia đình, vợ chồng không còn thương yêu, không Q trọng nhau, không chăm sóc, không giúp đỡ

nhau, chỉ biết bổn phận của riêng mình, bỏ mặc nhau. Anh T và chị Q đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay, hai người sống ở hai nơi khác nhau và không còn liên lạc với nhau.

Như vậy, mâu thuẫn giữa anh T và chị Q đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn thương yêu, không quan tâm, hạnh phúc gia đình không có. Do đó, để giải phóng cho hôn nhân không còn mục đích, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn và cho anh T được ly hôn với chị Q.

[6] Con chung: Chị Q và anh T đều có quan điểm thống nhất giao cháu N- sinh ngày 30/10/2017 cho chị Q được quyền nuôi dưỡng. Nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận.

[7] Cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu. Nên không xem xét gaiir quyết.

[8] Tài sản chung, tài sản chung và công nợ: Không có nên không yêu cầu giải quyết. Nên không xem xét giải quyết.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 144; Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T với chị Q.

2. Về hôn nhân: Cho anh T ly hôn với chị Q (chấm dứt hôn nhân).

3. Về con chung: Giao cháu N- sinh ngày 30/10/2017 cho chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu đến tuổi trưởng thành. Anh T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, chị Q không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ

trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

4. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định: Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84, 107, 110,116 của Luật hôn nhân và gia đình.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007120 ngày 27/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã Đức Mạnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Hồng Duy